

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/HS-ST
Ngày: 06/7/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Khắc Hiệp

2. Bà Phan Thị Cẩm Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hữu Văn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Xem - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2023/TLST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 32/2023/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2023 đối với:

- Bị cáo: Lê Văn N, sinh năm: 1972.

+ Tên gọi khác: T.

+ Nơi sinh: tỉnh Bến Tre;

+ Nơi cư trú: số 53/2, ấp T, xã Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre;

+ Nghề nghiệp: Không có;

+ Trình độ học vấn: Không biết chữ;

+ Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

+ Con ông Lê Văn D (đã chết) và bà Nguyễn Thị C (đã chết);

+ Bị cáo không có vợ, con;

+ Tiền án: Có 01 tiền án tại Bản án số 09/2019/HS-ST ngày 31-5-2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre xử phạt 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, chấp hành xong hình phạt tù ngày 15-7-2021;

+ Tiền sự: Không có.

+ Nhân thân: Ngày 23-7-1997, có hành vi gây rối trật tự công cộng bị áp dụng biện pháp đưa vào Cơ sở giáo dục tại B, tỉnh T theo Quyết định số 1811/UBND ngày 23-10-1997 của Ủy ban nhân dân tỉnh B (đã hết thời hạn được coi là chưa bị xử vi phạm hành chính). Ngày 01-10-2009, Công an xã Đ, huyện P xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực an ninh trật tự với số tiền

200.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, theo Quyết định số 14/QĐ-XPHC, đã nộp phạt xong (đã hết thời hạn được coi là chưa bị xử vi phạm hành chính).

+ Bị cáo bị bắt để tạm giam từ ngày 10-02-2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo:* Phạm Trần Duy L - Công chức Văn hóa - Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Bị hại:*

+ Cao Văn Mười A, sinh năm 1970, địa chỉ: Số 40/3, ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Nguyễn Thị N, sinh năm 1995, địa chỉ: ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Trần Thị X, sinh năm 1985, địa chỉ: ấp B, xã T, huyện P, tỉnh Bến Tre (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Huỳnh Thị T, sinh năm 1977, địa chỉ: ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Nguyễn Thị H, sinh năm 1990, địa chỉ: ấp A, xã B, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).

+ Đỗ Thị N, sinh năm 1954, địa chỉ: ấp P, xã T, huyện P, tỉnh Bến Tre (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1985, địa chỉ: ấp K, xã Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Bùi Văn N, sinh năm 1965, địa chỉ: Số 55/1 ấp P, xã K, huyện T, tỉnh Bến Tre (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Phan Thành T1, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 65/1 ấp T, xã Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người làm chứng:* Trần Thị C1, sinh năm 1963; địa chỉ: ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Trần Nhật Long H - Văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn N (có tên gọi khác là T), có một tiền án tại Bản án số 09/2019/HS-ST ngày 31-5-2019 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xử phạt 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 15-7-2021, sau khi chấp hành xong hình phạt về địa phương sinh sống nhưng không chịu cải tạo, tiếp tục phạm tội, cụ thể:

- Vụ thứ nhất: Khoảng 23 giờ 40 phút ngày 01-12-2021, Lê Văn N đi bộ từ nhà của N ở ấp T, xã Đ, huyện T đến ấp H, xã Đ, huyện T để tìm tài sản lấy trộm. Khoảng 01 giờ ngày 02-12-2021, Lê Văn N đi ngang nhà của ông Cao Văn Mười A tại ấp Hòa, xã Đ, huyện P thấy nhà không đóng cửa N lén lút đột nhập vào trong nhà của ông Mười A lấy 01 điện thoại di động và 01 dây sạc điện thoại di động mang về nhà N cất giấu để sử dụng. Sau khi chiếm đoạt được điện thoại thì

N kiểm tra thì biết điện thoại không có ốp lưng và sim, không có khóa màn hình bằng mật khẩu nên N mua một ốp lưng và 01 sim điện thoại để gắn vào sử dụng, đến ngày ngày 03-12-2021 thì hành vi của Lê Văn N bị phát hiện cùng tang vật.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C3, màu xanh, số IMEI 1: 860750041531939, số IMEI 2: 860750041531921; 01 ốp lưng màu trắng có dòng chữ “love rabbit”; 01 cục sạc điện thoại nhãn hiệu Hammer, màu trắng, đầu sạc và dây cáp sạc có thể tháo rời nhau được. Đối với sim điện thoại không thu giữ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 134/KL-HĐĐG ngày 27-12-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự huyện Thanh Phú, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C3, màu xanh, số IMEI 1: 860750041531939, số IMEI 2: 860750041531921 có giá trị là 1.820.000 đồng; 01 cục sạc điện thoại nhãn hiệu Hammer, màu trắng, đầu sạc và dây cáp sạc có thể tháo rời nhau được có giá trị là 105.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 1.925.000 đồng.

- Vụ thứ hai: Khoảng 00 giờ ngày 24-01-2022, Lê Văn N đi bộ từ nhà của N ở ấp T, xã Đ, huyện P đến xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre tìm tài sản lấy trộm. Khi đến khu vực ấp B, xã P, huyện P, N thấy nhà bà Trần Thị C1 còn sáng đèn nhưng mọi người ở trong nhà đã ngủ nên N lén lút mở chốt cửa trước đột nhập vào bên trong nhà của bà C1 phát hiện tại nơi chị Nguyễn Thị N1(con dâu bà C1) đang ngủ có một giỏ nhựa màu đỏ nên N đi đến lục soát thì phát hiện bên trong cái giỏ có nhiều giấy tờ và nhiều hộp có màu đỏ, N mở các hộp có màu đỏ ra thấy có vàng nên lấy, gồm: 01 chiếc nhẫn vàng, có hột màu trắng; 01 sợi dây chuyền vàng có mặt hình ông phật; 01 sợi dây chuyền vàng có mặt ngọc trai và cất giấu vào trong người thì bị bà N, bà C1 phát hiện và truy hô, N tẩu thoát khỏi hiện trường cùng tang vật. Đến sáng ngày 24-01-2022, Lê Văn N mang số vàng trộm được đến tiệm vàng Ngân Lượng thuộc ấp Khu Phố, xã Đại Điền, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre do bà Nguyễn Thị Kim C làm chủ bán được số tiền là 4.846.000 đồng, N tiêu xài hết 9.000 đồng thì hành vi của Lê Văn N bị phát hiện.

Vật chứng thu giữ: do bà Nguyễn Thị Kim C giao nộp gồm: 01 sợi dây chuyền bằng hợp kim vàng, dài 35cm, kiểu dây lật xoắn, trên khoen móc dây chuyền có chữ PNJ và số 680, trọng lượng 5 phân 3 ly 9 dem; 01 dây chuyền bằng hợp kim vàng 14K, dài 46cm, kiểu dây dẹp, khoen móc khóa có chữ “A” và số 610, khối lượng 1,5076gam; 01 nhẫn bằng hợp kim vàng 14K, có đính hột màu trắng, có chữ “AHÒA” và số 610, khối lượng 1,9327gam; 01 mặt dây, hình phật bằng hợp kim vàng 16K, khối lượng 0,6105gam; 01 mặt dây, kiểu chiếc lá bằng hợp kim vàng 14K, có ký hiệu dạng chữ và số “K★L★610X22”, khối lượng 0,3533gam. Lê Văn N giao nộp 4.837.000 đồng.

Ngày 16-02-2022, Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 tại Thành phố Hồ Chí Minh có Thông báo kết quả giám định số 46/N1.22/TĐ cụ thể như sau: 01 dây chuyền bằng hợp kim vàng 16K, dài 35cm, kiểu dây lật xoắn, khoen móc khóa có chữ “PNJ” và số 680, khối lượng 2,0233gam; 01 dây chuyền bằng hợp kim vàng 14K, dài 46cm, kiểu dây dẹp, khoen móc khóa có chữ “A” và số 610, khối lượng 1,5076gam; 01 nhẫn bằng hợp kim vàng 14K, có đính hột màu trắng, có chữ “AHÒA” và số 610, khối lượng 1,9327gam; 01 mặt dây chuyền bằng hợp kim vàng 16K, hình phật, khối lượng 0,6105gam; 01 mặt dây chuyền

bằng hợp kim vàng 14K, kiểu chiếc lá, có ký hiệu dạng chữ và số “K★L★610X22”, khối lượng 0,3533gam. (01 chỉ vàng 18K có khối lượng là 3,75gam).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐG ngày 15-3-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre kết luận tổng giá trị tài sản là vàng Lê Văn N trộm của chị Nguyễn Thị N là 5.825.000 đồng.

- Vụ thứ ba: Khoảng 18 giờ ngày 04-5-2022, Lê Văn N đi xe buýt từ khu vực ngã tư xã T, huyện P, tỉnh Bến Tre đến xã A, huyện P, tỉnh Bến Tre tìm tài sản trộm, do khi đến khu vực xã A trời tối nên N vào nhà mồ ở khu vực N (thuộc xã A) để ngủ. Khoảng 01 giờ ngày 05-5-2022, N thức dậy đi bộ tìm tài sản trộm, khi đi đến khu vực ấp B, xã A, huyện P, N phát hiện nhà của bà Trần Thị X bên trong đèn điện còn mở sáng, cửa nhà trước làm bằng lá nhưng không có khóa và được buộc lại bằng sợi dây, N mở dây đẩy cửa đi vào bên trong nhà lấy điện thoại nhãn hiệu Realme màu trắng-bạc, sau đó tẩu thoát về hướng xã Đ, huyện P. Trên đường tẩu thoát đến khu vực ấp A, xã A, huyện Thạnh Phú, N phát hiện một quán ăn không đóng cửa do bà Huỳnh Thị T làm chủ nên đột nhập vào bên trong lấy điện thoại nhãn hiệu Vsmart, màu đen và tẩu thoát về hướng xã Đ, huyện P. Khi đi qua khỏi cầu A thuộc xã A, huyện P, N thấy nhà bà Nguyễn Thị H đang xây dựng còn dở dang, không có cửa nên đi vào tìm tài sản để trộm tiếp. Vào bên trong nhà của bà H, N lấy điện thoại nhãn hiệu Samsung đang sạc pin trên bàn, cùng lúc này, do có ánh sáng của đèn điện nhà bà H nên N phát hiện điện thoại nhãn hiệu Redmi màu xám xanh đang sạc pin bằng cục sạc dự phòng trên giường ngủ, N đi đến kéo mùng lên lấy điện thoại và tẩu thoát về hướng Ủy ban nhân dân xã M, huyện P để về nhà ở ấp T, xã Đ, trước khi tẩu thoát N bỏ lại tại nhà bà H 01 điện thoại nhãn hiệu Vsmart (đã trộm trước đó của bà Huỳnh Thị T trước đó). Khi về đến nhà, khoảng 08 giờ ngày 05-5-2022, N đem điện thoại trộm cắp được đi đến nhà ông Bùi Văn N (thường gọi B) ở ấp P, xã K, huyện P bán điện thoại Redmi màu xám xanh cho ông N 1.400.000 đồng, tuy nhiên ông N không thừa nhận có mua điện thoại này của Lê Văn N, còn điện thoại nhãn hiệu Realme màu trắng-bạc N đổi cho ông N để lấy điện thoại nhãn hiệu OPPO A7 màu vàng mà N đã cầm cho ông N tiền giá 1.300.000 đồng vào ngày 04-5-2022. Sau đó, N tiếp tục đi đến ấp P, xã K, huyện P để bán cho anh Phan Thành T1 điện thoại Samsung màu vàng với giá 500.000 đồng. Đến khoảng trên 10 giờ cùng ngày thì hành vi của N bị phát hiện.

Vật chứng thu giữ: thu giữ của Lê Văn N gồm: số tiền 1.800.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu OPPO A7; thu giữ của ông Bùi Văn N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C15, màu bạc, số IMEI1: 86559204031790, IMEI2: 865592040317182, có một ốp lưng bằng nhựa màu vàng; thu giữ của Phan Thành T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, model: SM-G532G/DS, màu vàng, số IMEI: 357161/09/422316/0, IMEI: 357162/09/422316/8; thu giữ của bà Nguyễn Thị H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart, model: BVSM-230, màu đen, số IMEI1: 352705110917703, IMEI2: 352705110917711.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 50/KL-HĐĐG ngày 14-7-2022, tại Bản kết luận định giá tài sản số 36/KL-HĐĐG ngày 31-5-2022 và tại Bản kết luận

định giá tài sản số 38/KL-HĐĐG ngày 31-5-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C15, màu bạc có ốp lưng bằng nhựa màu vàng và 02 sim điện thoại di động mạng Viettel có tổng giá trị là 2.200.000 đồng. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu vàng và 01 thẻ nhớ Micro SD 8Gb có tổng giá trị là 480.000 đồng. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xám xanh và một sim điện thoại di động mạng Viettel có tổng giá trị là 1.450.000 đồng. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart màu đen và một sim điện thoại di động mạng Viettel có tổng giá trị là 300.000 đồng. Như vậy, tổng giá trị tài sản mà Lê Văn N trộm cắp vào ngày 05-5-2022 là 4.430.000 đồng.

- Vụ thứ tư: Khoảng 23 giờ ngày 16-10-2022, Lê Văn N đi bộ từ nhà đến xã T, huyện P, tỉnh Bến Tre tìm tài sản lấy trộm, khi đi đến khu vực ấp P, xã T, huyện P, N thấy nhà của bà Đỗ Thị N không đóng cửa nên đã đột nhập vào bên trong tìm tài sản để trộm. Khi vào trong nhà, Lê Văn N phát hiện trên giường bà N cùng cháu gái đang ngủ có dây sạc điện thoại và ở khu vực nhà sau có chiếc xe đạp màu trắng, do bóng đèn gần giường nơi bà N ngủ cháy sáng, nên N đi đến vặn mở bóng đèn ra 02 vòng làm cho bóng đèn tắt, sau đó N đi đến nhà sau lấy xe đạp màu trắng dẫn ra bên ngoài dựng và tiếp tục đi trở vào nhà của bà N và đi đến giường bà N đang ngủ để tìm điện thoại thì bị phát hiện truy hô, N bỏ chạy ra cửa sau lấy xe đạp điều khiển về nhà cất giấu đến khoảng 15 giờ ngày 17-10-2022, hành vi của Lê Văn N bị phát hiện cùng tang vật.

Vật chứng thu giữ: 01 xe đạp nhãn hiệu Martin, màu trắng, có gắn rổ phía trước.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 88/KL-HĐĐGTS ngày 27-10-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre, kết luận: Chiếc xe đạp nhãn hiệu Martin, màu trắng, có gắn rổ phía trước có giá trị là 1.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Phú ra các Quyết định trưng cầu giám định tâm thần, khả năng hạn chế nhận thức đối với Lê Văn N. Tại các Bản kết luận giám định pháp tâm thần số 170/KL-VPYTW, ngày 12/4/2022; số 238/KL-VPYTW, ngày 18/5/2022; số 603/KL-VPYTW ngày 22/9/2022; số 74/KL-VPYTW ngày 08/02/2023 của Viện pháp y tâm thần Trung ương B, đều có cùng kết luận:

- Về y học: Trước, trong, sau khi gây án và hiện nay: Đang sự bị bệnh chậm phát triển tâm thần mức độ nhẹ (F70 - ICD. 10).

- Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi:

+ Tại thời điểm gây án: Đang sự bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

+ Hiện nay: Đang sự đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại bản Cáo trạng số 26/CT-VKS, ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre đã truy tố trước Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre để xét xử bị cáo Lê Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát

bảo lưu quan điểm Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử các nội dung như sau:

- Tuyên bố bị cáo Lê Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173 và điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; các điểm h, q, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn N từ 01 (một) năm tù đến 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10-02-2023.

- Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là “phạt tiền” theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: do các bị hại Cao Văn Mười A, Nguyễn Thị N, Trần Thị X, Huỳnh Thị T và Đỗ Thị N là chủ sở hữu hợp pháp đã nhận lại tài sản, không có ý kiến, yêu cầu gì khác nên đề nghị không xem xét giải quyết. Riêng đối với bị hại Nguyễn Thị H đã nhận lại tài sản mà bị cáo trộm là 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung màu vàng và 01 thẻ nhớ Micro SD 8G chị H không yêu cầu gì khác nên không xem xét giải quyết; đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xám xanh và một sim điện thoại di động mạng Viettel của bị hại H do không thu hồi được tài sản mà bị cáo đã trộm nên đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 13, 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự, đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và bị hại Nguyễn Thị H, buộc bị cáo Lê Văn N phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị H số tiền 1.800.000 đồng. Đối với số tiền 1.300.000 đồng của Bùi Văn Nh đã nhận cầm cố điện thoại từ bị cáo và số tiền 500.000 đồng của Phan Thành T1 đã mua điện thoại từ bị cáo, Bùi Văn Nh và Phan Thành T1 không yêu cầu bị cáo có nghĩa vụ trả lại và không có yêu cầu gì khác nên không xem xét giải quyết. Đối với Nguyễn Thị Kim C không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền chênh lệch là 9.000 đồng từ việc nhận lại số tiền đã mua vàng từ bị cáo và không có yêu cầu gì khác nên không xem xét giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: áp dụng các Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị:

- + Ghi nhận ngày 04-01-2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã trao trả: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C3, màu xanh, số IMEI 1: 860750041531939, số IMEI 2: 860750041531921 và 01 cục sạc điện thoại nhãn hiệu Hammer, màu trắng, đầu sạc và dây cáp sạc có thể tháo rời nhau được cho bị hại Cao Văn Mười A, bị hại không có yêu cầu gì khác nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

- + Ghi nhận ngày 22-4-2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã trao trả: 01 dây chuyền bằng hợp kim vàng 16K, dài 35cm, kiểu dây lật xoắn, khoen móc khóa có chữ “PNJ” và số 680, khối lượng 2,0233gam; 01 dây chuyền bằng hợp kim vàng 14K, dài 46cm, kiểu dây dẹp, khoen móc khóa có chữ “A” và số 610, khối lượng 1,5076gam; 01 nhẫn bằng hợp kim vàng 14K, có đính hột màu trắng, có chữ “AHÒA” và số 610, khối lượng 1,9327gam; 01 mặt dây chuyền bằng hợp kim vàng 16K, hình phật, khối lượng 0,6105gam; 01 mặt dây chuyền

bằng hợp kim vàng 14K, kiểu chiếc lá, có ký hiệu dạng chữ và số “K★L★610X22”, khối lượng 0,3533gam và 01 mảnh vật thể màu trắng không rõ hình dạng cho bị hại Nguyễn Thị N, bị hại đã nhận lại đủ tài sản, không có yêu cầu gì khác nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

+ Ghi nhận ngày 20-7-2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P đã trao trả: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C15, màu bạc, có một ốp lưng bằng nhựa màu vàng, số IMEI1: 86559204031790, IMEI2: 865592040317182 cho bị hại Trần Thị X, bị hại không có yêu cầu gì khác nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Ghi nhận ngày 24-6-2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P đã trao trả: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart, model: BVSM-230 màu đen, số IMEI1: 352705110917703, IMEI2: 352705110917711 cho bị hại Huỳnh Thị T và trao trả 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, model: SM-G532G/DS, màu vàng, số IMEI: 357161/09/422316/0, IMEI: 357162/09/422316/8, 01 thẻ nhớ Micro SD 8G cho bị hại Nguyễn Thị H, bị hại Huỳnh Thị T và Nguyễn Thị H đã nhận lại các tài sản này không có yêu cầu gì khác nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận, đối với bị hại Nguyễn Thị H có yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường giá trị của 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xám xanh và một sim điện thoại di động mạng Viettel với số tiền 1.800.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

+ Ghi nhận ngày 02-11-2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P đã trao trả: 01 xe đạp nhãn hiệu Martin, màu trắng có gắn rổ phía trước cho bị hại Đỗ Thị N, bị hại đã nhận lại đủ tài sản, không có yêu cầu gì khác nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

+ Đối với số tiền 1.800.000 đồng bị cáo nộp, bị cáo không yêu cầu nhận lại và đề nghị tạm giữ để bảo thi hành án nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

+ Đối với 01 ốp lưng điện thoại di động màu trắng có dòng chữ “Love” và “Rabit”, đề nghị tịch thu, tiêu hủy do bị cáo không có yêu cầu nhận lại và xác định không còn giá trị sử dụng.

+ Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A7, màu vàng, số IMEI1: 864267041946856, IMEI2: 864267041946849, qua tiến hành các hoạt động điều tra xác định không có liên quan đến vụ án; bị cáo khai đã trộm điện thoại này tại ấp A, xã T, huyện P nhưng chưa xác định được bị hại nên ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P tiếp tục tạm giữ để tiến hành xác minh xử lý sau.

- Đối với Phan Thành T1, Bùi Văn N và Nguyễn Thị Kim C khi mua tài sản, cầm cố tài sản mà không biết rõ tài sản đó là do bị cáo trộm cắp mà có nên không có cơ để xử lý.

Người bào chữa cho bị cáo Luật sư Trần Nhật Long H trình bày: Thống nhất với tội danh, điều luật, tình tiết tăng nặng và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Viện kiểm sát đã truy tố và đề nghị áp dụng đối với bị cáo Lê Văn N. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc bị cáo là người hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi từ đó xem xét cho bị cáo được hưởng nhẹ nhất theo mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi như Cáo trạng đã truy tố, thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Bị

cáo đồng ý tội danh, điều luật mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu bị hại Nguyễn Thị H số tiền 1.800.000 đồng.

Bị cáo không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Các bị hại Cao Văn Mười A, Nguyễn Thị N, Trần Thị X, Huỳnh Thị T và Đỗ Thị N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Thị Kim C, Bùi Văn N và Phan Thành T1 và người làm chứng Trần Thị C1 có đơn xin vắng mặt. Thấy rằng các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng đã có lời khai cụ thể, rõ ràng tại Cơ quan Cảnh sát điều tra; bị cáo không có ý kiến về việc vắng mặt của những người này, đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu hoãn phiên tòa và đề nghị tiếp tục xét xử vụ án. Xét việc vắng mặt của các bị hại; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này là phù hợp với quy định tại các Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[3] Lời khai nhận của bị cáo trong giai đoạn điều tra và tại tòa phù hợp với lời khai của các bị hại, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Lê Văn N (thường gọi là T) có một tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích, trong khoảng thời gian từ ngày 02-12-2021 đến ngày 16-10-2022 đã nhiều lần lén lút trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, cụ thể như sau:

- Khoảng 01 giờ ngày 02-12-2021, tại ấp T, xã Đ, huyện T trộm của Cao Văn Mười A 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C3, màu xanh, số IMEI 1: 860750041531939, số IMEI 2: 860750041531921 và 01 cục sạc điện thoại nhãn hiệu Hammer màu trắng, có giá trị tài sản là 1.925.000 đồng.

- Khoảng 00 giờ ngày 24-01-2022, tại ấp T, xã Đ, huyện P trộm của chị Nguyễn Thị N 01 dây chuyền bằng hợp kim vàng 16K, dài 35cm, kiểu dây lật xoắn, khoen móc khóa có chữ “PNJ” và số 680, khối lượng 2,0233gam; 01 dây chuyền bằng hợp kim vàng 14K, dài 46cm, kiểu dây dẹp, khoen móc khóa có chữ “A” và số 610, khối lượng 1,5076gam; 01 nhẫn bằng hợp kim vàng 14K, có đính hột màu trắng, có chữ “AHÒA” và số 610, khối lượng 1,9327gam; 01 mặt dây chuyền bằng hợp kim vàng 16K, hình phật, khối lượng 0,6105gam; 01 mặt dây chuyền bằng hợp kim vàng 14K, kiểu chiếc lá, có ký hiệu dạng chữ và số

“K★L★610X22”, khối lượng 0,3533gam. Tổng giá trị tài sản là vàng Lê Văn N trộm của chị Nguyễn Thị N là 5.825.000 đồng.

- Rạng sáng ngày 05-5-2022, tại ấp B, xã A, huyện P trộm của bà Trần Thị Xuyên điện thoại di động nhãn hiệu Realme C15, màu bạc, có một ốp lưng bằng nhựa màu vàng, số IMEI1: 86559204031790, IMEI2: 865592040317182; tại ấp A, xã T, huyện P trộm của bà Huỳnh Thị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart, model: BVSM-230 màu đen, số IMEI1: 352705110917703, IMEI2: 352705110917711; tại ấp A, xã Đ, huyện P trộm của bà Nguyễn Thị H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, model: SM-G532G/DS, màu vàng, số IMEI: 357161/09/422316/0, IMEI: 357162/09/422316/8 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xám xanh. Tổng giá trị tài sản mà bị can Lê Văn N trộm cắp vào rạng sáng ngày 05-5-2022 là 4.430.000 đồng.

- Khoảng 23 giờ ngày 16-10-2022, tại ấp P, xã T, huyện P, trộm của bà Đỗ Thị N 01 xe đạp nhãn hiệu Martin, màu trắng, có gắn rổ phía trước có giá trị là 1.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà bị cáo Lê Văn N đã chiếm đoạt của các bị hại là 13.180.000 đồng.

[4] Về hành vi của bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi của bị cáo là hành vi cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người đã thành niên và có năng lực trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đã bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú truy tố. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú truy tố bị cáo Lê Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Hành vi của bị cáo Lê Văn N là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của các bị hại Cao Văn Mười A, Nguyễn Thị N, Trần Thị X, Huỳnh Thị T, Nguyễn Thị H và Đỗ Thị N được pháp luật bảo vệ. Khi thực hiện hành vi phạm tội, mặc dù bị cáo là người hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nhưng bị cáo vẫn ý thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật; với ý thức chây ỳ lao động, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác nhưng không bằng sức lao động của chính mình, điều đó đã làm ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội tại địa phương, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân, bị xã hội lên án và thể hiện tính xem thường pháp luật của bị cáo. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự nên phải gánh chịu trách nhiệm hình sự đối với hậu quả do hành vi của bị cáo đã trực tiếp gây ra.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nên cũng ảnh hưởng đến khả năng nhận thức của bị cáo. Do đó, áp dụng các tình

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm h, q, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

[8] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Căn cứ vào tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Xét thấy, bị cáo Lê Văn N có nhân thân xấu, cụ thể: bị cáo từng bị áp dụng biện pháp đưa vào Cơ sở giáo dục tại B, tỉnh T theo Quyết định số 1811/UBQĐ ngày 23-10-1997 của Ủy ban nhân dân tỉnh B, bị Công an xã Đ, huyện P xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực an ninh trật tự với số tiền 200.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản vào năm 2009. Bị cáo đã bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” bị xử phạt 02 năm tù, chưa được xóa án tích nhưng bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác nhiều lần. Điều đó, cho thấy bị cáo là người khó cải tạo giáo dục, thể hiện tính xem thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy, cần phải áp dụng hình phạt tù thật nghiêm khắc để cách ly bị cáo với các hoạt động bình thường bên ngoài xã hội một thời gian nhất định mới đủ giáo dục bị cáo thành công dân tốt sống có ích cho gia đình và xã hội từ đó để bị cáo có ý thức tuân thủ pháp luật, ngăn ngừa phạm tội mới, đồng thời vừa đảm bảo tính răn đe phòng ngừa chung cho cộng đồng. Tuy nhiên, trong lượng hình cũng cần phải xem xét đến việc bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích nêu trên.

[9] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, thấy rằng bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự: các bị hại Cao Văn Mười A, Nguyễn Thị N, Trần Thị X, Huỳnh Thị T, và Đỗ Thị N đã nhận lại tài sản không có ý kiến, không có yêu cầu gì khác nên không xem xét giải quyết. Đối với bị hại Nguyễn Thị H đã nhận lại tài sản mà bị cáo trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu vàng và 01 thẻ nhớ Micro SD 8G chip Hiếu không có yêu cầu gì khác nên không xem xét giải quyết. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redme màu xám xanh và 01 sim điện thoại di động mạng Viettel của bị hại H do không thu hồi được tài sản, bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị là 1.800.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 1.800.000 đồng theo yêu cầu của bị hại nên ghi nhận. Buộc bị cáo Lê Văn N phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị H số tiền 1.800.000 đồng.

Đối với số tiền 1.300.000 đồng của Bùi Văn N đã nhận cầm cố điện thoại từ bị cáo và số tiền 500.000 đồng của Phan Thành T1 đã mua điện thoại từ bị cáo, Bùi Văn Nh và Phan Thành T1 không yêu cầu bị cáo có nghĩa vụ trả lại và không có yêu cầu gì khác nên không xem xét giải quyết. Đối với Nguyễn Thị Kim C không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền chênh lệch là 9.000 đồng từ việc nhận lại số tiền đã mua vàng từ bị cáo và không có yêu cầu gì khác nên không xem xét giải quyết.

[11] Về xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Ghi nhận ngày 04-01-2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã trao trả: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C3, màu xanh, số IMEI 1: 860750041531939, số IMEI 2: 860750041531921 và 01 cục sạc điện thoại nhãn hiệu Hammer, màu trắng, đầu sạc và dây cáp sạc có thể tháo rời nhau được cho bị hại Cao Văn Mười A.

- Ghi nhận ngày 22-4-2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã trao trả: 01 dây chuyền bằng hợp kim vàng 16K, dài 35cm, kiểu dây lật xoắn, khoen móc khóa có chữ “PNJ” và số 680, khối lượng 2,0233gam; 01 dây chuyền bằng hợp kim vàng 14K, dài 46cm, kiểu dây dẹp, khoen móc khóa có chữ “A” và số 610, khối lượng 1,5076gam; 01 nhẫn bằng hợp kim vàng 14K, có đính hột màu trắng, có chữ “AHÒA” và số 610, khối lượng 1,9327gam; 01 mặt dây chuyền bằng hợp kim vàng 16K, hình phật, khối lượng 0,6105gam; 01 mặt dây chuyền bằng hợp kim vàng 14K, kiểu chiếc lá, có ký hiệu dạng chữ và số “K★L★610X22”, khối lượng 0,3533gam và 01 mảnh vật thể màu trắng không rõ hình dạng cho bị hại Nguyễn Thị N.

+ Ghi nhận ngày 20-7-2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P đã trao trả: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C15, màu bạc, số IMEI1: 86559204031790, IMEI2: 865592040317182, 01 ốp lưng bằng nhựa màu vàng cho bị hại Trần Thị X.

+ Ghi nhận ngày 24-6-2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P đã trao trả: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart, model: BVSM-230 màu đen, số IMEI1: 352705110917703, IMEI2: 352705110917711 cho bị hại Huỳnh Thị T và trao trả 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, model: SM-G532G/DS, màu vàng, số IMEI: 357161/09/422316/0, IMEI: 357162/09/422316/8, 01 thẻ nhớ Micro SD 8G cho bị hại Nguyễn Thị H.

+ Ghi nhận ngày 02-11-2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P đã trao trả: 01 xe đạp nhãn hiệu Martin, màu trắng có gắn rổ phía trước cho bị hại Đỗ Thị N.

+ Tịch thu, tiêu hủy 01 ốp lưng điện thoại di động màu trắng có dòng chữ “Love” và “Rabbit”, do bị cáo không có yêu cầu nhận lại và xác định không còn giá trị sử dụng.

+ Đối với số tiền 1.800.000 đồng, bị cáo đã giao nộp, bị cáo không yêu cầu nhận lại và đồng ý tạm giữ số tiền này để đảm bảo cho việc thi hành án nên ghi nhận và tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

+ Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A7, màu vàng, số IMEI1: 864267041946856, IMEI2: 864267041946849, qua điều tra xác định không có liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P tiếp tục tạm giữ và tiến hành xác minh xử lý sau nên ghi nhận.

[12] Đối với Phan Thành T1, Bùi Văn N và Nguyễn Thị Kim C khi mua tài sản, nhận cầm cố tài sản từ bị cáo mà không biết rõ tài sản đó là do bị cáo trộm cắp mà có nên không có cơ để xử lý.

[13] Ý kiến của Kiểm sát viên phân tích đánh giá hành vi cấu thành tội phạm của bị cáo, hậu quả và tính chất mức độ của hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phù hợp với tính khách quan của vụ án, đúng với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo có một phần về đề nghị áp dụng hình phạt cho bị cáo là chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[15] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: bị cáo phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 173; các điểm h, q, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10-02-2023.

2. Về trách nhiệm dân sự:

2.1 Bị hại Cao Văn Mười A, Nguyễn Thị N, Trần Thị X, Huỳnh Thị T, và Đỗ Thị N đã nhận lại tài sản không có ý kiến, không có yêu cầu gì khác nên không xem xét giải quyết.

2.2 Bị hại Nguyễn Thị H đã nhận tài sản và yêu cầu bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền 1.800.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 1.800.000 đồng theo yêu cầu của bị hại.

Áp dụng Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 13, 584, 585, 586, 590 Bộ luật Dân sự ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại. Buộc bị cáo Lê Văn N có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Hiếu số tiền 1.800.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2.3 Đối với số tiền 1.300.000 đồng của Bùi Văn N đã nhận cầm cố điện thoại từ bị cáo và số tiền 500.000 đồng của Phan Thành T1 đã mua điện thoại từ bị cáo, Bùi Văn N và Phan Thành T1 không yêu cầu bị cáo có nghĩa vụ trả lại và không có yêu cầu gì khác nên không xem xét giải quyết. Đối với Nguyễn Thị Kim C không yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền 9.000 đồng từ việc nhận lại số tiền chênh lệch, Nguyễn Thị Kim C không có yêu cầu gì khác nên không xem xét giải quyết.

3. Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: áp dụng các Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Ghi nhận ngày 04-01-2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã trao trả: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C3, màu xanh, số IMEI 1:

860750041531939, số IMEI 2: 860750041531921 và 01 cục sạc điện thoại nhãn hiệu Hammer, màu trắng, đầu sạc và dây cáp sạc có thể tháo rời nhau được cho bị hại Cao Văn Mười A.

- Ghi nhận ngày 22-4-2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã trao trả: 01 dây chuyền bằng hợp kim vàng 16K, dài 35cm, kiểu dây lật xoắn, khoen móc khóa có chữ “PNJ” và số 680, khối lượng 2,0233gam; 01 dây chuyền bằng hợp kim vàng 14K, dài 46cm, kiểu dây dẹp, khoen móc khóa có chữ “A” và số 610, khối lượng 1,5076gam; 01 nhẫn bằng hợp kim vàng 14K, có đính hột màu trắng, có chữ “AHÒA” và số 610, khối lượng 1,9327gam; 01 mặt dây chuyền bằng hợp kim vàng 16K, hình phật, khối lượng 0,6105gam; 01 mặt dây chuyền bằng hợp kim vàng 14K, kiểu chiếc lá, có ký hiệu dạng chữ và số “K★L★610X22”, khối lượng 0,3533gam và 01 mảnh vật thể màu trắng không rõ hình dạng cho bị hại Nguyễn Thị N.

+ Ghi nhận ngày 20-7-2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P đã trao trả: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C15, màu bạc, số IMEI1: 86559204031790, IMEI2: 865592040317182, 01 ốp lưng bằng nhựa màu vàng cho bị hại Trần Thị X.

+ Ghi nhận ngày 24-6-2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P đã trao trả: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart, model: BVSM-230 màu đen, số IMEI1: 352705110917703, IMEI2: 352705110917711 cho bị hại Huỳnh Thị T và trao trả 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, model: SM-G532G/DS, màu vàng, số IMEI: 357161/09/422316/0, IMEI: 357162/09/422316/8, 01 thẻ nhớ Micro SD 8G cho bị hại Nguyễn Thị H.

+ Ghi nhận ngày 02-11-2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P đã trao trả: 01 xe đạp nhãn hiệu Martin, màu trắng có gắn rổ phía trước cho bị hại Đỗ Thị N.

+ Tịch thu, tiêu hủy 01 ốp lưng điện thoại di động màu trắng có dòng chữ “Love” và “Rabbit”, do bị cáo không có yêu cầu nhận lại và xác định không còn giá trị sử dụng (được tạm gửi tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Thanh Phú Theo Quyết định chuyển vật chứng số 15/QĐ-VKS ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú).

+ Đối với số tiền 1.800.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000423 ngày 21-6-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Phú do bị cáo giao nộp tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

+ Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A7, màu vàng, số IMEI1: 864267041946856, IMEI2: 864267041946849, qua điều tra xác định không có liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P tiếp tục tạm giữ để tiến hành xác minh xử lý sau nên ghi nhận.

4. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và các Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 tháng 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lê Văn N phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 90.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (1b);
- Công an huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (1b);
- Bộ phận HS Công an huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (1b);
- Bị cáo (1b);
- Bị hại (5b);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (4b);
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP (4b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Văn Tú

